

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **17/2022/DS-ST**

Ngày: 23/8/2022

*“V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ Th3 gồm có:

Th3 phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn S

Các Hội Th3 nhân dân: Ông Vũ Trung Th

Bà Hoàng Thị M

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Th2 - Thư ký Toà án nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước xét xử sơ Th3 công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021, về tranh chấp *“Hợp đồng vay tài sản”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ông Đồng Quảng Th3**, sinh năm 1963. (Có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Ấp Chợ, xã TT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

Trú tại: Khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

*** Bị đơn: Bà Hà Thị H**, sinh năm 1960. (Có mặt)

Trú tại: Bàu Quân Khu 9, ấp An Hòa, xã TT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn Đồng Quảng Th3 trình bày:

Ông Đồng Quảng Th3 trước đây có cho bà Hà Thị H vay tiền nhiều lần, vào các năm 2014-2015 (nhưng đã trả). Đến cuối năm 2015, ông Th3 tiếp tục cho bà H vay tiền, đến ngày 15/4/2016, ông Đồng Quảng Th3 và bà Hà Thị H viết lại giấy vay tiền, theo đó bà H còn nợ ông Th3 tổng số tiền 170.000.000 đồng, giấy tờ vay tiền do bà H viết và ký tên. Hai bên thỏa thuận thời hạn trả là ngày 15/5/2016, không thỏa thuận lãi suất. Tuy nhiên, quá thời hạn nêu trên ông Th3 yêu cầu bà H trả tiền thì bà H chỉ mới trả cho ông Th3 số tiền khoảng 70.000.000 đồng, số tiền còn lại là 100.000.000 cho đến nay bà H vẫn chưa trả cho ông Th3.

Trong đơn khởi kiện và phiên tòa trước đây, ông Đồng Quảng Th3 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hà Thị H trả số tiền gốc còn nợ là 100.000.000 đồng, không yêu cầu tiền lãi. Tuy nhiên, tại phiên tòa này, ông Th3 rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Hà Thị H phải trả cho Th3 Th3 số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

Ngoài ra, nguyên đơn không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn bà Hà Thị H, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Vào năm 2015, bà H có vay của ông Th3 số tiền 45.000.000 đồng, khi vay bà H có viết và ký tên vào giấy vay tiền, thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày vay, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Đến năm 2016, bà H không có khả năng trả số tiền 45.000.000 đồng một lần, nên có xin ông Th3 trả dần số tiền nợ gốc mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền 45.000.000 đồng thì được ông Th3 đồng ý. Do số tiền lãi quá cao nên bà H chưa trả được cho ông Th3 theo thỏa thuận, nên đến ngày 15/4/2016, ông Th3 yêu cầu bà H chốt số tiền gốc là 45.000.000 đồng và số tiền lãi kể từ ngày vay (không nhớ cụ thể khoảng đầu năm 2015) đến ngày 15/4/2016 là 125.000.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 170.000.000 đồng. Bà H đã xin trả dần số tiền 170.000.000 đồng nêu trên, đến năm 2019 thì bà H đã trả hết số tiền nợ 170.000.000 đồng cho ông Th3, nhưng do tin tưởng nên các lần trả tiền cho ông Th3 thì bà H không ghi giấy xác nhận đã trả tiền. Hiện nay, bà H khẳng định đã trả hết số tiền 170.000.000 đồng cho ông Th3. Do đó, nay ông Th3 khởi kiện buộc bà H phải trả số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng thì bà H không đồng ý.

Ngoài ra, bà H không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Th3 phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đồng Quảng Th3 về việc buộc bị đơn bà Hà Thị H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 80.000.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được Th3 tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* *Về tố tụng*: Nguyên đơn ông Đồng Quảng Th3 khởi kiện buộc bị đơn bà Hà Thị H phải trả số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*). Do bị đơn có nơi cư trú tại ấp An Hòa, xã TT, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc Th3 quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

* *Về nội dung vụ án*:

[1] Nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn bà Hà Thị H phải trả lại số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*). Để chứng M yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp giấy mượn tiền đề ngày 15/4/2016 thể hiện chữ viết và chữ ký tên Hà Thị H.

Trong khi đó, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Hà Thị H thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy vay tiền ghi ngày 15/4/2016 mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là chữ viết và chữ ký của bà H, tuy nhiên bà H cho rằng đã trả đủ số tiền 170.000.000 đồng cho ông Th3. Cụ thể: Bà H cho rằng, vào năm 2015 có vay của ông Th3 tổng số tiền 45.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, do không trả lãi định kỳ được nên ông Th3 cộng dồn tiền lãi, đến ngày 15/4/2016 thì tổng số tiền gốc và lãi là 170.000.000.000 đồng, nên bà H viết giấy biên nhận số tiền nợ nêu trên (Theo giấy nhận nợ mà ông Th3 cung cấp cho Tòa án). Sau đó, bà H đã trả dần số tiền trên, đến năm 2019 thì đã trả đủ cho ông Th3 toàn bộ số tiền trên cho ông Th3.

[3] Xét lời trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hợp đồng vay tài sản (giấy mượn tiền) giữa ông Th3 với bà H được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật, khi lập hợp đồng các bên đều đã đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm dân sự. Do đó căn cứ Điều 385, 387, 463 Bộ luật dân sự 2015 Hợp đồng này làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Nguyên đơn và bị đơn thống nhất nội dung ngày 15/4/2016 bà H viết giấy vay tiền của ông Th3, với số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), thời hạn trả nợ là ngày 15/5/2016. Nguyên đơn cho rằng, cho đến nay bị đơn chỉ mới trả cho nguyên đơn số tiền khoảng 70.000.000 đồng, số tiền còn lại 100.000.000 đồng bị đơn vẫn chưa trả tiền cho nguyên đơn như đã thỏa thuận. Do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ theo như thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ lại là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa này, ông Th3 rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Hà Thị H phải trả cho Th3 số tiền 80.000.000 đồng. Lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu chứng cứ (Giấy vay tiền) mà nguyên đơn cung cấp, phù hợp với các tài liệu mà Tòa án thu thập được.

Bị đơn bà H cho rằng bà H chỉ vay của ông Th3 số tiền 45.000.000 đồng vào năm 2015, sau đó đến ngày 15/4/2016 ông Th3 chốt cả gốc và lãi là 170.000.000 đồng thì ông Th3 mới cho trả dần số tiền nợ, đến năm 2019 bà H đã trả cho ông Th3 hết số tiền 170.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày thì bà H không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi đó nguyên đơn ông Đồng Quảng Th3 không thừa nhận. Do đó, xét lời trình bày của bị đơn Hà Thị H là không có cơ sở, nên nguyên đơn Đồng Quảng Th3 khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả lại số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ về thời hạn trả tiền nên căn cứ vào Điều 282, 284, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, cần buộc bị đơn bà Hà Thị H có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn ông Đồng Quảng Th3 tổng số còn nợ là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*) là phù hợp.

Do ông Đồng Quảng Th3 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án buộc bà Hà Thị H phải trả số tiền 20.000.000 đồng (Theo đơn khởi kiện, ông Th3 yêu cầu bà H trả 100.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa rút lại yêu cầu là 80.000.000 đồng), nên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Quảng Th3 nêu trên là phù hợp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐP tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ Th3: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Đối với bị đơn Hà Thị H, do bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên bà Hà Thị H được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 116, 117, 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đồng Quảng Th3.

Buộc bị đơn bà Hà Thị H phải trả cho ông Đồng Quảng Th3 số tiền còn nợ là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Quảng Th3 về việc yêu cầu bà Hà Thị H phải trả số tiền 20.000.000 đồng, do ông Đồng Quảng Th3 rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, bên phải thi hành chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ Th3: Hoàn trả cho ông Đồng Quảng Th3 số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0004864, ngày 21/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn bà Hà Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ Th3.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- ✉ TAND tỉnh Bình Phước;
- ✉ VKSND huyện ĐP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TH3 PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- ↪ *THADS huyện DP;*
- ↪ *Các đương sự.*
- ↪ *Lưu;*

Lê Văn S